

Số: 14/2021/QĐST-HNGĐ

Thanh Thủy, ngày 08 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020, giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh **Đinh Công H**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

*** Bị đơn:** Chị **Quách Thị L**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

*** Người có Quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Anh **Đinh Công H1**, sinh năm 2000

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Anh **Đinh Công D**, sinh năm 2002

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh **Đinh Công H** với chị **Quách Thị L**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Về con chung:** Vợ chồng xác định có 02 con chung là **Đinh Công H1**, sinh năm 2000

và Đinh Công D, sinh năm 2002; hiện cả hai đã thành niên nên không đề nghị tòa án giải quyết.

*** Về tài sản chung:** Anh H và chị L tự thỏa thuận phân chia tài sản có văn bản đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận cụ thể như sau:

Về đất: Vợ chồng có 01 thửa đất số 110; tờ bản đồ số 11, diện tích 943,9m² tại khu 6 xã T, huyện Thanh Thủy (khu 2 xã Y cũ), trong đó có 300m² đất ở và 643,9m² đất trồng cây lâu năm. Được UBND huyện Thanh Thủy cấp GCNQSD đất số BT 19370x ngày 2x/02/2014 mang tên Đinh Công H và Quách Thị L.

Kiểm tra hiện trạng thửa đất có diện tích 941,9m² sau đó Hội đồng Bồi thường và giải phóng mặt bằng huyện Thanh Thủy đã thu hồi 171,8m² đất ở, để thực hiện làm đường giao thông, nay còn lại 770,1m² trong đó có 128,2m² đất ở và 641,9m² đất trồng cây lâu năm.

Về tài sản trên đất: Có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 80m². Ngoài ra hai bên không đề nghị tòa án giải quyết tài sản nào khác.

Nay các bên thỏa thuận:

+ *Giao cho chị L trực tiếp sử dụng phần đất có diện tích: 385m² đất trong đó có 42,8m² đất ở và 342,2m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số 110; tờ bản đồ số 11 trên, có sơ đồ thửa đất và chỉ giới kèm theo. Có kích thước các cạnh:*

- Mặt trước: Giáp đường giao thông, kích thước là 8,7m + 10,5m;
- Mặt sau: Giáp đất ông H2, kích thước là 8,7m + 6,5m + 10,1m;
- Phía phải: Giáp Nhà văn hóa khu 6, kích thước là 12,3m;
- Phía trái: Giáp đất giao cho anh H1, kích thước là 21,7m.

Giao cho chị L trực tiếp sử dụng, sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích 80m² được xây dựng trên phần đất giao cho chị L trên.

+ *Giao cho anh Đinh Công H1 trực tiếp sử dụng phần đất có diện tích: 192,5m² đất trong đó có 42,7m² đất ở và 149,8m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số 110; tờ bản đồ số 11 trên, có sơ đồ thửa đất và chỉ giới kèm theo. Có kích thước các cạnh:*

- Mặt trước: Giáp đường giao thông, kích thước là 5,2m + 4,1m;
- Mặt sau: Giáp đất ông H2, kích thước là 9,2m;
- Phía phải: Giáp đất giao cho chị L, kích thước là 21,7m;
- Phía trái: Giáp đất giao cho anh D, kích thước là 19,8m.

+ *Giao cho anh Đinh Công D trực tiếp sử dụng phần đất có diện tích: 192,6m² đất trong đó có 42,7m² đất ở và 149,9m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số 110; tờ bản đồ số 11 trên, có sơ đồ thửa đất và chỉ giới kèm theo. Có kích thước các cạnh:*

- Mặt trước: Giáp đường giao thông, kích thước là 10,2m;
- Mặt sau: Giáp đất ông H2, kích thước là 1,0m + 9,8m;
- Phía phải: Giáp đất giao cho anh H1, kích thước là 19,8m;
- Phía trái: Giáp đất anh H3, kích thước là 4,6m + 12,6m.

Chị L, anh H1 và anh D không phải thanh toán chênh lệch về tài sản cho anh H.

*** Về công nợ chung, về cho vay, công sức đóng góp:**

Anh H và chị L không đề nghị tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

*** Về án phí Dân sự sơ thẩm:** Anh H nhận nộp cả 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*). Hoàn trả lại cho anh H số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0000665 ngày 10 tháng 11 năm 2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Về án phí chia tài sản: các bên thỏa thuận tự phân chia tài sản trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên không phải chịu án phí.

** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Thủy;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS-VP.

Thẩm phán

Lương Viết Tú